

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-PT

Ngày: 05-01-2026

V/v “*Tranh chấp về hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy.

Ông Đặng Chí Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp về hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 313/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 703/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: B H, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Thân Trọng Xuân L; địa chỉ: G Bà T, tổ A, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Thân Trọng Xuân L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Giữa bà và bà Thân Trọng Xuân L là người quen biết với nhau và có nhiều lần tham gia chơi hụi, bà L là chủ hụi còn bà là người chơi hụi hay còn gọi là con hụi. Quá trình tham gia chơi hụi thì có 2 dây hụi chưa chốt, việc chơi hụi là có lời (lãi), mỗi kỳ xổ một lần cho một con hụi, ai bỏ lãi cao sẽ được hốt. Người đã hốt trúng hụi thì sẽ đóng hụi chết theo đúng số tiền gốc đã tham gia. Người chưa được hốt gọi là hụi sống đóng theo số tiền gốc trừ đi số tiền người trúng hụi bỏ ra

của kỳ đó nên số tiền đóng mỗi kỳ hội sống không cố định, bà L thông báo đóng bao nhiêu thì bà đóng bấy nhiêu, có kỳ chuyển khoản, có kỳ đưa tiền mặt thì không viết giấy hoặc cả tiền mặt và chuyển khoản (có nộp kèm bản sao kê tài khoản). Mỗi kỳ xổ hội bà không có mặt để tham gia và cũng không biết ai trong dây hội cùng chơi.

Cụ thể hai dây hội chưa chốt như sau:

- Dây hội ngày 20-7-2023 (âm lịch) gồm 18 người chơi theo danh sách bà L lập, tức 18 kỳ xổ hội, mỗi kỳ đóng 30.000.000 đồng, kỳ đầu xổ hội ngày 20-7-2023 (âm lịch). Bà đã đóng được 6 kỳ hội sống là 149.550.000 đồng; đến kỳ thứ 7 vào tháng 3-2024, bà hết trúng hội và nhận 404.250.000 đồng tiền hội. Sau đó, bà tiếp tục đóng 2 kỳ hội chết, mỗi kỳ 30.000.000 đồng. Bà đã đóng 8 kỳ hội, tổng cộng 209.550.000 đồng.

- Dây hội ngày 23-8-2023 (âm lịch), gồm 18 người chơi theo danh sách bà L lập, tức 18 kỳ xổ hội, mỗi kỳ đóng 50.000.000 đồng, kỳ đầu xổ hội ngày 23-8-2023 (âm lịch). Bà đã đóng được 8 kỳ hội sống với số tiền 331.100.000 đồng, bà chưa hết dây hội này.

Đến tháng 6-2024, bà L nói dừng không thu 2 dây hội này nữa. Sau đó, bà và bà L gặp nhau tính toán, chốt lại hai dây hội thì số tiền bà đã đóng trừ đi tiền đã nhận là $(331.100.000 \text{ đồng} + 209.550.000 \text{ đồng}) - 404.250.000 \text{ đồng} = 136.400.000 \text{ đồng}$, bà L còn nợ bà 136.400.000 đồng, vì là chỗ quen biết tin tưởng nhau nên không lập thành văn bản.

Sau khi chốt nợ, bà L có trả cho bà được 23.000.000 đồng; cụ thể: Mỗi lần trả 5.000.000 đồng vào các ngày 07-6-2024, ngày 17-7-2024, ngày 19-9-2024 và ngày 22-10-2024; trả 2.000.000 đồng vào ngày 15-01-2025; trả 1.000.000 đồng vào ngày 17-3-2025, bằng hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà L vào tài khoản số 0291000244450 của bà tại V (có nộp kèm bản sao kê). Số nợ gốc còn lại là 113.400.000 đồng. Mặc dù, bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả, bà L hứa trả dần nhưng vẫn không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà.

Do bà chỉ yêu cầu trả tiền gốc mà bà đã đóng, chưa có tiền lời nên bà không đồng ý đề nghị của bà L về việc không trả lãi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thân Trọng Xuân L phải trả cho bà số tiền hội gốc là 113.400.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm, kể từ ngày 01-7-2024 cho đến ngày xét xử (ngày 25-8-2025) với thời gian tính lãi là 13 tháng 24 ngày.

2. Bị đơn là bà Thân Trọng Xuân L trình bày:

Giữa bà và bà Nguyễn Thị H có quen biết nhau và tham gia chơi hội, bà là chủ hội, bà H là người chơi hội. Sau khi bà bị các con hội không trả tiền hội thì đến tháng 6-2024 bà không thu tiền hội nữa. Giữa bà và bà H còn 2 dây hội chưa chốt như sau:

- Dây hội ngày 20-7-2023 (âm lịch) gồm 18 người chơi, 18 kỳ, mỗi kỳ đóng 30.000.000 đồng, kỳ đầu ngày 20-7-2023 (âm lịch).

- Dãy hội ngày 23-8-2023 (âm lịch), gồm 18 người chơi, 18 kỳ, mỗi kỳ đóng 50.000.000 đồng, kỳ đầu ngày 23-8-2023 (âm lịch).

Bà chưa kiểm tra sổ sách chơi hội nhưng bà nghĩ là bà H đã tính đúng, bà đồng ý còn nợ bà H số tiền hội gốc là 113.400.000 đồng.

Nay bà gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nên xin bà H không trả lãi và tự thỏa thuận bên ngoài về hướng trả nợ.

3. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 25-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng các Điều 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Thân Trọng Xuân L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hằng S tiền hội là 126.430.600 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

4. *Kháng cáo:*

Ngày 03-9-2025, bị đơn là bà Thân Trọng Xuân L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà phải trả cho bà Nguyễn Thị H 113.400.000 đồng tiền hội gốc và không phải trả lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên; chia thành 5 lần để thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bản án không bị kháng nghị, nguyên đơn không kháng cáo.

5. *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

- Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tham gia tố tụng bảo đảm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Thân Trọng Xuân L:

[1.1] Bà Thân Trọng Xuân L thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H 113.400.000 đồng tiền hội gốc.

[1.2] Bà Thân Trọng Xuân L kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà Nguyễn Thị H 13.030.060 đồng tiền lãi là không đúng, trái với sự thỏa thuận của các bên và gây thiệt hại cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H không chấp nhận đề nghị không tính lãi của bà Thân Trọng Xuân L.

Tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường quy định:

“Trường hợp đến kỳ mở hộ mà chủ hộ không giao hoặc giao không đầy đủ các phần hộ cho thành viên được lĩnh hộ, thành viên chưa lĩnh hộ không góp phần hộ hoặc góp phần hộ không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn phải trả lãi của 113.400.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả (từ ngày 01-7-2024 đến ngày 25-8-2025) với mức lãi suất là 10%/năm, tổng cộng 13.030.600 đồng tiền lãi, là đúng theo quy định tại các Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự và các Điều 18, 21, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

[1.3] Bà Thân Trọng Xuân L kháng cáo cho rằng quá trình chơi hội bà đã chôn tiền hội cho những người chơi hội và họ không đóng tiền hội chết cho bà làm cho bà không còn khả năng trả nợ ngay cho bà Nguyễn Thị H, bà đề nghị được trả cho bà Nguyễn Thị H mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết 113.400.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H không đồng ý với phương thức trả nợ như lời đề nghị của bà Thân Trọng Xuân L.

Tại Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường, quy định trách nhiệm của chủ hộ là giao các phần hộ cho thành viên lĩnh hộ tại mỗi kỳ mở hộ và có nghĩa vụ nộp thay phần hộ của thành viên nếu đến kỳ mở hộ mà có thành viên không góp phần hộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo xin trả dần 113.400.000 đồng tiền hội của bà Thân Trọng Xuân L.

[1.4] Từ những nhận định nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Trọng Xuân L và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng các Điều 18, 21, 22 và 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Trọng Xuân L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Thân Trọng Xuân L phải trả cho bà Nguyễn Thị H 126.430.600 đồng (*Trong đó có 113.400.000 đồng tiền hụi và 13.030.600 đồng tiền lãi*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thân Trọng Xuân L phải chịu 6.321.530 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 3.187.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001438 ngày 08-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Gia Lai).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Thân Trọng Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002201 ngày 11-9-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; bà Thân Trọng Xuân L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 7 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thanh Huyền